



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Tel.: +84 3203 882243

Fax: +84 3203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn

Website: tructhon.com.vn

Số: 181 /TB-HĐQT

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO

**Mời dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Trúc Thôn**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Trúc Thôn

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Trúc Thôn trân trọng thông báo tới toàn thể Quý Cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

1. Thời gian: 8h00 ngày 27 tháng 4 năm 2018 (thứ sáu)

2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Trúc Thôn - Phường Cộng Hoà, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Nội dung Đại hội:

- Thông qua báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2017 và nhiệm vụ năm 2018;

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán;

- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017;

- Thông qua nội dung các Tờ trình, về: Bổ sung, sửa đổi Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị; Kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2018; thù lao của HĐQT, BKS năm 2018; lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018; Cổ đông có thể nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai; Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm TGD ký hợp đồng có giá trị > 35% tổng giá trị tài sản; Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016- 2020.

4. Thành phần:

- Các cổ đông (cá nhân, tổ chức) sở hữu cổ phần của Công ty tính đến ngày chốt danh sách cổ đông 17/4/2018.

- Trường hợp cổ đông không thể tham dự, có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (có biểu mẫu kèm theo).

5. Đăng ký tham dự:

- Để công tác đón tiếp cổ đông được chu đáo và tiến hành tổ chức Đại hội thuận lợi, đề nghị Quý cổ đông liên hệ trực tiếp qua số điện thoại 0912 526 567 (B. Dương Thị Quyên – Trưởng, Tiểu Ban kiểm tra tư cách cổ đông)

- + Đăng ký qua E-mail: quyendt.tc@gmail.com
- Các cổ đông có thể sử dụng mẫu Giấy ủy quyền theo nhóm.
- Đối với các cổ đông đang công tác tại Công ty thì gửi Giấy đăng ký/ủy quyền dự Đại hội về các phòng, đơn vị tập hợp.

6. Tài liệu:

Các loại tài liệu, biểu mẫu liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông xem từ Website: tructhon.com.vn (mục quan hệ cổ đông → tài liệu ĐHĐCĐ năm 2018).

Trân trọng thông báo. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Website Cty;
- Lưu VT, HĐQT, TK Cty.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**





CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Tel.: +84 320 882243

Fax: +84 320 883163

E-mail: truethon@truethon.com.vn Website: truethon.com.vn

Mẫu số 02

**GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2018
(Của nhóm cổ đông)¹**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Trúc Thôn

Chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần Trúc Thôn cùng nhau nắm giữ.....cổ phần, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Tên cổ đông	Số CMND	Số Giấy CNCP	Số cổ phần sở hữu	Địa chỉ liên lạc	Ký tên
	Tổng cộng					

Cùng nhất trí uỷ quyền cho:

Ông, bà:

CMTND số: cấp ngày/...../..... tại

Địa chỉ liên lạc:.....

Thay mặt tôi tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tại ĐHĐCĐ của Công ty trong phạm vi số cổ phần do chúng tôi sở hữu.

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên,)

¹ Biểu mẫu này dùng cho số cổ đông từ 02 người trở lên cùng uỷ quyền cho 01 người, nếu dùng biểu mẫu này thì cổ đông không dùng mẫu Giấy đăng ký hoặc uỷ quyền (mẫu số 1).



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Tel.: +84 320 882243

Fax: +84 320 883163

E-mail: truathon@truathon.com.vn

Website: truathon.com.vn

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẶC ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2018
(Của cá nhân/tổ chức)**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Trúc Thôn

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):
CMND/ĐKKD số: cấp ngày/...../..... tại
Số CP nắm giữ:CP, theo Giấy chứng nhận số:.....
Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:.....

1. Đăng ký tham dự Đại hội ¹

Tổng số cổ phần (CP):..... CP, Trong đó:

- Số CP nắm giữ:CP,

- Số CP được ủy quyền:CP

(Có giấy ủy quyền kèm theo)

2. Ủy quyền cho người khác ²:

Họ và tên:

CMTND số: cấp ngày/...../..... tại

Địa chỉ liên lạc:

Thay mặt tôi tham dự và biểu quyết các vấn đề có liên quan tại Đại hội Cổ đông của Công ty trong phạm vi cổ phần thuộc sở hữu của tôi

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm về việc ủy quyền này và không đưa ra bất cứ khiếu nại gì liên quan đối với Công ty.

Ghi chú: Cổ đông tham dự ĐH mang theo Giấy mời họp, Giấy đăng ký/ủy quyền và CMND để đăng ký đại biểu

....., ngày..... tháng..... năm 2018.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐĂNG KÝ/ ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Cổ đông đang làm việc tại Công ty đề nghị gửi về phòng hoặc đơn vị nơi làm việc.

² Nếu cổ đông trực tiếp tham dự ĐH thì đăng ký **mục 1**, nếu cổ đông không tham dự ĐH mà ủy quyền cho người khác thì đăng ký **mục 2**



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

BIỂU BIỂU QUYẾT TỪ XA BẰNG VĂN BẢN

Mã số cổ đông:.....

Họ tên cổ đông:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:.....

STT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	Ý KIẾN BIỂU QUYẾT		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Chương trình Đại hội			
2	Quy chế làm việc Đại hội			
3	Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2017 và nhiệm vụ năm 2018.			
4	Báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán			
5	Báo cáo của BKS về tình hình SXKD năm 2017.			
6	Tờ trình bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty			
7	Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty			
8	Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020.			
9	Tờ trình về kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2018			
10	Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2018			
11	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018			
12	Tờ trình Cổ đông có thể nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai			
13	Tờ trình ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm TGD ký hợp đồng có giá trị $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản			

Ghi chú:- Quý cổ đông đánh dấu (X) vào Một trong 3 phương án **Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến** tương ứng với từng nội dung biểu quyết.

- *Gửi về địa chỉ:* Phòng TCHC Công ty CP Trúc Thôn, P. Cộng Hòa, TX. Chí Linh, T. Hải Dương.

.....ngày.....tháng ... năm

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN NHIỆM KỲ 2016 - 2020

Kính gửi : Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Tôi/Chúng tôi là cổ đông của Công ty CP Trúc Thôn, đang sở hữu/đại diện cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (Danh sách đính kèm ở trang sau). Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử thành viên Ban kiểm soát Công ty, tôi/chúng tôi nhất trí đề cử các ông, bà có tên dưới đây làm ứng cử viên bầu thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2020 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, gồm:

1. Ông/bà:.....
CMTND số:.....ngày cấp.....tại.....
2. Ông/bà:.....
CMTND số:.....ngày cấp.....tại.....

Tôi/chúng tôi xin gửi kèm theo Đơn này, hồ sơ các ứng viên bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử;
- Bản sao Hộ khẩu thường trú, các văn bằng trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn kèm theo.

Trân trọng cảm ơn./.

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2018
ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG/CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Gửi về Công ty trước 16h ngày 25/4/2018

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
(Kèm theo đơn đề cử ngày.... tháng ... năm 2018)

TT	Họ tên cổ đông	Mã số cổ đông/ CMTND	Số cổ phần sở hữu/ đại diện	Chữ ký của cổ đông
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
	Tổng cộng			

Chúng tôi nhất trí cử ông..... làm đại diện nhóm cổ đông để thực hiện việc đề cử.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN NHIỆM KỲ 2016 - 2020

Kính gửi : Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Tôi/Chúng tôi là cổ đông của Công ty CP Trúc Thôn, đang sở hữu/đại diện cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (Danh sách đính kèm ở trang sau). Sau khi nghiên cứu các điều kiện, tiêu chuẩn liên quan đến việc đề cử thành viên HĐQT Công ty, tôi/chúng tôi nhất trí đề cử các ông, bà có tên dưới đây làm ứng cử viên bầu thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2020 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, gồm:

1. Ông/bà:.....
CMTND số:.....ngày cấp.....tại.....

2. Ông/bà:.....
CMTND số:.....ngày cấp.....tại.....

Tôi/chúng tôi xin gửi kèm theo Đơn này, hồ sơ các ứng viên bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử;
- Bản sao Hộ khẩu thường trú, các văn bằng trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn kèm theo.

Trân trọng cảm ơn./.

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2018
ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG/CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Gửi về Công ty trước 16h ngày 25/4/2018

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Kèm theo đơn đề cử ngày.... tháng ... năm 2018)

TT	Họ tên cổ đông	Mã số cổ đông/ CMTND	Số cổ phần sở hữu/ đại diện	Chữ ký của cổ đông
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
	Tổng cộng			

Chúng tôi nhất trí cử ông.....làm đại diện nhóm cổ đông để thực hiện việc đề cử.



DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
Công ty cổ phần Trúc Thôn

- Thư mời họp, biểu mẫu và toàn bộ tài liệu đăng trên Website: tructhon.com.vn
- Cổ đông nhận tại Đại hội: Thẻ biểu quyết, Phiếu đăng ký phát biểu, tài liệu khác nếu có.

STT	TÊN TÀI LIỆU	Ghi chú
1	Chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông	
2	Chương trình điều hành Đại hội đồng cổ đông	
3	Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông	
4	Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018.	
5	Báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán	
6	Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình SXKD năm 2017.	
7	Tờ trình bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động	Phụ lục và dự thảo Điều lệ kèm theo
8	Tờ trình về Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Quy chế quản trị kèm theo
9	Tờ trình miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 - 2020	Quy chế bầu cử kèm theo
10	Tờ trình về kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2018	
11	Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2018	
12	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018	
13	Tờ trình về Cổ đông có thể nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai.	
14	Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm TGD ký Hợp đồng giao dịch $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản	

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam – CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Điện thoại: 0320 3882243

Fax: 0320 3883163

Email: tructhon@tructhon.com.vn

Website: tructhon.com.vn

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Trúc Thôn


1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2017 và nhiệm vụ năm 2018.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 sau kiểm toán.
3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017.
4. Thông qua các Tờ trình, về:
 - Bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động;
 - Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - Kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2018;
 - Thù lao của HĐQT, BKS năm 2018;
 - Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018;
 - Cổ đông có thể nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai;
 - Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm TGD ký hợp đồng giá trị > 35% tổng giá trị tài sản;
 - Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Website Cty;
- Lưu VT, TkyCty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU HÀNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
(Thời gian: từ 8^h00 ngày 27 tháng 4 năm 2018)

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
7h30÷8h10	Đăng ký danh sách đại biểu cổ đông, phát tài liệu và Thẻ biểu quyết	Ban KTTC cổ đông
8h10÷8h40	Chào cờ, khai mạc, giới thiệu đại biểu	Trưởng phòng TCHC
	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	Ban KTTC cổ đông
	Thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban thư ký và Tổ kiểm phiếu	Trưởng phòng TCHC
	Đoàn chủ tọa thông qua Chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội và Đại hội biểu quyết	Đoàn chủ tọa
8h40÷9h20	Báo cáo của Hội đồng quản trị	Thành viên HĐQT
	Báo cáo tài chính sau kiểm toán	Kế toán trưởng
	Báo cáo của Ban kiểm soát	Ban kiểm soát
9h20÷9h40	Thông qua các Tờ trình của HĐQT về:	Ô. Nguyễn Đức Vinh Nam – TVHĐQT
	- Bổ sung, sửa đổi Điều lệ	
	- Quy chế nội bộ về quản trị	
	- Kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2018	
	- Thù lao HĐQT, BKS năm 2018	
	- Cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai.	
	- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm TGD ký hợp đồng giao dịch $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản	
- Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018	Trưởng Ban kiểm soát	
9h40÷ 9h50	- Tờ trình miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 – 2020: - Thông qua Quy chế bầu cử - Ứng cử, đề cử, chốt danh sách bầu cử	
9h50÷ 10h20	Đại hội thảo luận các Báo cáo và Tờ trình	Cổ đông
10h20÷11h00	- Trả lời các kiến nghị của Cổ đông	Chủ tịch HĐQT, TGD
	- Đại hội biểu quyết các Báo cáo và Tờ trình	Đoàn Chủ tọa
11h00÷11h15	Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP phát biểu ý kiến	
11h15÷11h20	Công bố kết quả biểu quyết các nội dung, kết quả bầu cử	
11h20÷11h30	Thông qua nghị quyết Đại hội	Ban thư ký
	Chào cờ và Bế mạc đại hội	Chủ tọa

Ghi chú: Do thời gian có hạn, trong Đại hội Chủ tọa không thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị đề nghị Quý cổ đông nghiên cứu trong tài liệu.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Tel.: +84 3203 882243

Fax: +84 3203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn

Website: tructhon.com.vn

Số: 182 /QC- BTC

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2017

QUY CHẾ LÀM VIỆC

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Công ty cổ phần Trúc Thôn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Nghị quyết họp Hội đồng quản trị ngày 8/3/2018;

Hội đồng quản trị (HĐQT) xây dựng Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP Trúc Thôn năm 2018 như sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP Trúc Thôn năm 2018;

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu:

Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

Đảm bảo tính tập trung, ổn định, đạt kết quả cao của Đại hội.

CHƯƠNG II

HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Điều 3. Thời gian và địa điểm tổ chức:

Thời gian: 1/2 ngày, từ 8h00 ngày 27 tháng 4 năm 2018 (thứ sáu)

Địa điểm: Hội trường Công ty CP Trúc Thôn - Phường Cộng Hoà, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Thông báo, tài liệu họp Đại hội:

- Thông báo họp Đại hội được gửi cho các cổ đông và đại diện cổ đông (sau đây gọi chung là cổ đông) bằng cách chuyển qua địa chỉ trong danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 17/4/2018 do Sở GD&ĐT Hà Nội cung cấp hoặc thư điện tử cổ

đồng đăng ký với Công ty. Nếu cổ đông là CBCNV Công ty thì được gửi qua đơn vị công tác. Ngoài ra, thông báo và tài liệu được công bố trên Báo Hải Dương và website Công ty: tructhon.com.vn

- Các loại tài liệu, biểu mẫu liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông xem từ Website: tructhon.com.vn (mục quan hệ cổ đông → tài liệu ĐHĐCĐ năm 2018).

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ:

Cổ đông là cá nhân, tổ chức hoặc đại diện cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông ngày 17/4/2018 được quyền tham dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông dự Đại hội:

1. Quyền của cổ đông:

Cổ đông trực tiếp dự Đại hội hoặc có thể ủy quyền bằng Giấy ủy quyền cho người khác đại diện mình tham dự Đại hội. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần, người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ 3.

Được BTC Đại hội thông báo chương trình Đại hội, nhận các tài liệu phục vụ Đại hội và tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.

Tại Đại hội, cổ đông được nhận một Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử. Được thảo luận, biểu quyết các nội dung trong chương trình Đại hội bằng Thẻ biểu quyết và bầu cử bằng Phiếu bầu cử.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông:

Thực hiện đầy đủ các nội dung thông báo của Ban tổ chức Đại hội về: đăng ký dự Đại hội, Giấy ủy quyền...

Việc cử đại diện và ủy quyền, thay đổi đại diện và người được ủy quyền nhất thiết phải thực hiện bằng văn bản theo đúng quy định:

- Trường hợp cổ đông ủy quyền là cá nhân thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền.

- Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì phải đóng dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó và người được ủy quyền.

- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMTND hoặc Hộ chiếu), Giấy mời họp, Giấy đăng ký/ủy quyền nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Thẻ biểu quyết trước khi vào Đại hội.

- Chấp hành nghiêm Quy chế làm việc được thông qua tại Đại hội. Cổ đông vi phạm Quy chế thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn chủ tọa xem xét và có hình thức xử lý theo Luật doanh nghiệp.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các Ban Đại hội:

1. Ban tổ chức Đại hội:

Ban tổ chức do HĐQT cử và có nhiệm vụ giúp Đại hội chuẩn bị các nội dung cơ bản sau đây:

- Gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự Đại hội;
- Xây dựng chương trình nghị sự của Đại hội;
- Tổng hợp các tài liệu trình HĐQT phê duyệt;
- Phân công nhiệm vụ các bộ phận và thành viên thực hiện các nội dung liên quan đến Đại hội.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 thành viên do HĐQT cử và có các nhiệm vụ:

- Tổng hợp danh sách cổ đông dự Đại hội;
- Kiểm tra CMTND, CCCD của cổ đông; kiểm tra tính hợp lệ của các Giấy ủy quyền dự Đại hội, phát phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần cổ đông sở hữu và số cổ phần được ủy quyền;
- Phối hợp với Tổ kiểm phiếu cấp Thẻ biểu quyết;
- Lập báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và báo cáo trước Đại hội.

3. Tổ kiểm phiếu:

Tổ kiểm phiếu gồm 05 thành viên do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội thông qua bằng hình thức biểu quyết. Thành viên Tổ kiểm phiếu có thể không là cổ đông và có nhiệm vụ:

- Chuẩn bị và phát Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử;
- Thông qua Quy chế bầu cử, kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử;
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết của cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty;
- Lập và thông qua Biên bản kiểm phiếu kết quả biểu quyết các nội dung và kết quả bầu cử trước Đại hội.

4. Trách nhiệm của Chủ tọa:

Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa Đại hội, các thành viên khác do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội thông qua bằng hình thức biểu quyết và có nhiệm vụ:

- Điều khiển Đại hội theo Chương trình, Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo quy định tại khoản 5 và 6 Điều 19 Điều lệ Công ty.

- Hướng dẫn ĐHĐCĐ thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ.

- Yêu cầu bộ phận chuyên môn làm rõ các nội dung cổ đông yêu cầu (nếu cần);

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình Đại hội.

5. Trách nhiệm của Ban thư ký:

Ban thư ký gồm 02 thành viên do Ban tổ chức đề cử và được Đại hội thông qua bằng hình thức biểu quyết và có nhiệm vụ:

- Ghi chép biên bản chi tiết Đại hội;
- Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông chuyên cho Chủ tọa;
- Soạn thảo Nghị quyết và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

CHƯƠNG IV **CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội:

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 9. Trường hợp tổ chức Đại hội không thành:

Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8 Quy chế này thì được thực hiện theo khoản 2,3 Điều 18 của Điều lệ Công ty.

Điều 10. Cá nhân, tổ chức có nhu cầu dự trực tiếp hoặc đưa tin Đại hội phải đăng ký và được sự đồng ý của Ban tổ chức Đại hội:

Các đại biểu khách mời, cổ đông, các thành viên trong các Ban và bộ phận giúp việc... phải đeo thẻ do Ban kiểm tra tư cách cổ đông cấp phát trong thời gian Đại hội và nơi diễn ra Đại hội.

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông.

2. Cách biểu quyết: Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của Phiếu biểu quyết phải được hướng về phía chủ tọa. Những cổ đông không giơ Phiếu biểu quyết được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

3. Thông qua các quyết định của Đại hội cổ đông:

Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:

- Đạt ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp chấp thuận đối với các nội dung về: Sửa đổi bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị từ 35 % trở lên tổng giá trị tài sản Công ty.

- Đạt ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận đối với các nội dung biểu quyết khác.

Điều 12. Phát biểu ý kiến tại Đại hội:

- Cổ đông muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa.

- Cổ đông có thể phát biểu trực tiếp hoặc ghi tóm tắt nội dung phát biểu vào "Phiếu đăng ký phát biểu" chuyển cho Thư ký hoặc Chủ tọa. Chủ tọa xem xét tính phù hợp của nội dung phát biểu và sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự.

Điều 13. Sau Đại hội:

Biên bản, Nghị quyết của Đại hội được công bố thông tin và đăng trên website Công ty trong thời hạn 24h kể từ khi kết thúc Đại hội.

- HĐQT tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ.

- Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo của Ban Kiểm soát, biên bản họp Đại hội phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty, đồng thời giải đáp thắc mắc của cổ đông Công ty trong 10 năm để các cổ đông có thể xem xét khi cần.

Quy chế này được thông qua tại Đại hội và có hiệu lực ngay sau khi được sự chấp thuận của trên 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của ĐHCĐ thường niên năm 2018, kính trình Đại hội thông qua. *ll*

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Website Cty;
- Lưu VT, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Văn Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng hoà – Chí Linh - Hải Dương

Điện thoại: 03203 882243 Fax: 03203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn Website: tructhon.com.vn

Số: 183/BC-HĐQT

Hải Dương ngày 12 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Trúc Thôn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12/4/2017 và chương trình kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị,

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017, kế hoạch SXKD năm 2018 như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2017

I. Đặc điểm, tình hình chung:

1. Thuận lợi:

- Hoạt động xây dựng các khu nhà ở xã hội và dân sinh trong năm 2017 duy trì mức tăng trưởng 8,7% so với năm 2016, đứng thứ 3 trong số các ngành đóng góp vào GDP cả nước, nên đã tác động tích cực đến việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty;

- Được sự quan tâm, ủng hộ, chia sẻ của Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP và các Quý cổ đông;

- Đội ngũ lãnh đạo và CBCNV Công ty luôn đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, chuyên môn nghiệp vụ đã dần được củng cố;

- Tình hình sản xuất, tiêu thụ gạch men vẫn trên chiều hướng tích cực, năng lực, trình độ quản lý, tay nghề của cán bộ và NLĐ tiếp tục được cải thiện,... nên đã góp phần cho Công ty vượt qua khó khăn, SXKD có hiệu quả trong năm 2017, tuy hiệu quả không được như với 2016;

- Đầu năm 2017, SXKD GCL đạt hiệu quả khả quan.

2. Khó khăn:

Công ty đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong khi SP của Công ty không đa dạng, phẩm cấp hạn chế.

- Gạch men: SX vẫn được duy trì trên 2 dây chuyền, SXKD có hiệu quả. Tuy nhiên, do thiết bị, công nghệ cũ nên phải thường xuyên sửa chữa thay thế; SP đơn điệu (chỉ có gạch cấp thấp - ceramic, kích thước nhỏ), trong khi cạnh tranh thị trường

ngày càng gay gắt, giá trị gia tăng thấp; Trong khi các sản phẩm gạch ốp lát có mức thuế nhập khẩu chỉ $\approx 20\%$ nên khó cạnh tranh với hàng nhập khẩu giá rẻ, thậm chí nhập khẩu tiểu ngạch, trốn thuế từ Trung Quốc;

- Đất sét: Mỏ đã được gia hạn sau gần 2 năm, song để có thể khai thác tiếp thì phải sang quý II/2018; các thiết bị phục vụ khai thác đã cũ, xuống cấp nên sản lượng khai thác thấp, chi phí cao.

- Vật liệu chịu lửa: Sau hơn một năm đưa Dự án lò tuynel SX gạch chịu lửa công suất 12.000T/năm vào sản xuất đã tăng được sản lượng và phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, việc phát triển thị trường tiêu thụ gạch có chất lượng cao như gạch chịu lửa sa-mốt A, gạch chịu lửa cao nhôm còn hạn chế. Công ty tiếp tục gặp khó khăn về nguồn cung nguyên liệu samot, trong khi giá bán SP vào nửa cuối năm ở mức thấp, hiệu quả SXKD ngày càng giảm.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản:

1. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	% so Kế hoạch	% so 2016	Ghi chú
1	Doanh thu	Tỷ đồng	350,52	96,04	99,03	
2	S/lượng sản xuất					
	Gạch men	M2	4.828.572	98,54	92	
	Đất sét	Tấn	72.954	78,03	85,62	
	Gạch chịu lửa	Tấn	12.868	102,95	117,91	
	Đất đèn	Tấn	1.204	120,40	120,62	
3	Lượng tiêu thụ					
	Gạch men	M2	4.940.642	96,88	94,52	
	Đất sét	Tấn	16.570	33,14	105,86	
	Gạch chịu lửa	Tấn	11.742	93,93	108,20	
	Đất đèn	Tấn	1.156	115,59	108,04	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,342	147	143	
5	Thu nhập bình quân tháng	Tr đ/người	8,5	113	104	

Đánh giá chung:

Tổng doanh thu đạt 96% so với KH giao, bằng 99% so với 2016. Trong đó doanh thu gạch men, đất sét giảm so với cùng kỳ do sản lượng giảm chỉ bằng 92% so 2016 (do giảm S/L gạch 300 x 450 để tăng lượng SX gạch 300 x 600 có năng suất thấp hơn), đồng thời giá bán gạch men giảm bình quân 5% so với 2016. Chỉ tiêu doanh thu gạch chịu lửa, đất đèn tăng 15% so với 2016 do sản lượng và giá bán GCL tăng; song đến 6 tháng cuối năm giá bán GCL đã giảm 20% so với đầu năm.

Trong 2017, các mặt hoạt động của Công ty nói chung đạt được những kết quả khả quan. Một số chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận mặc dù chưa đạt ở mức cao, song

với điều kiện môi trường khó khăn thì những kết quả đạt được phần nào phản ánh sự nỗ lực, cố gắng và thành công của tập thể Lãnh đạo và NLD toàn Công ty (lợi nhuận vượt chỉ tiêu ĐHCĐ giao).

2. Thực hiện các công tác khác:

2.1. Công tác kế hoạch, tiêu thụ:

Công tác lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất của các đơn vị trên cơ sở năng lực sản xuất, thị trường tiêu thụ và hiệu quả SXKD. Triển khai tốt công tác phối hợp với các phòng ban Công ty, các đơn vị thành viên trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD;

Công tác chuẩn bị nguyên liệu, vật tư phục vụ SX ngày càng được chấn chỉnh về tiến độ, chất lượng, giá cả; nguyên nhiên vật liệu tồn kho tiếp tục được kiểm soát ở mức hợp lý;

Các cơ chế, chính sách liên quan đến thị trường, khách hàng và tiêu thụ SP được điều chỉnh kịp thời, linh hoạt, phù hợp nên mặc dù thị trường cạnh tranh khó khăn, song tồn kho SP đã luôn giữ ở mức thấp (tương đương 01 tháng SX),...;

Công ty luôn quan tâm đến việc mở rộng thị trường, thị phần, hệ thống khách hàng,... Tuy nhiên, việc quản bá thương hiệu chưa được thúc đẩy (một phần do SP chính của Công ty – Gạch men đang còn đơn điệu).

2.2. Công tác đầu tư phát triển:

- Một số hạng mục đầu tư chuyển tiếp từ 2016 chưa thực hiện được do Công ty chủ động cân đối lại.

- Về Dự án đầu tư dây chuyền 3 SX gạch granite công suất 4 triệu m²/năm với tổng mức đầu tư theo Báo cáo nguyên cứu khả thi là 289,8 tỷ đồng:

+ Các công việc đã thực hiện gồm: Lập Báo cáo khả thi, thiết kế cơ sở, tổng dự toán, đã lập & duyệt quy hoạch, đang xin cấp phép xây dựng (đã được chấp thuận thiết kế hệ thống PCCC và thẩm định báo cáo DTM). Đền bù các hộ dân để lấy đất phục vụ Dự án, xây 30 căn nhà tái định cư cho các hộ dân và NLD tại khu TT để thu hồi đất cho Dự án;

+ Tuy nhiên tiến độ chậm so với dự kiến do hạn chế về mặt bằng, vốn chủ sở hữu chưa đủ, thời tiết mưa nhiều, công tác hoàn thiện hồ sơ, làm các thủ tục xin phép đầu tư, thuê đất tại địa phương, xin thỏa thuận của Bộ Xây Dựng chiếm quá nhiều thời gian. Đến tháng 01/2018 Công ty mới nhận được Quyết định chủ trương đầu tư từ UBND Tỉnh Hải Dương.

- Về Dự án khai thác khoáng sản: Đã được Tổng Cục địa chất & khoáng sản tiếp nhận để phê duyệt đề án đóng cửa mỏ 39,43ha thuộc GP2870 cũ. Hoàn thiện việc lập, thẩm định Đề án thiết kế bản vẽ thi công mỏ và cấm mốc, lập sơ đồ theo giấy phép GP1654.

2.3. Công tác tài chính:

Cùng với chính sách của nhà nước ổn định, Công ty đã cân đối tốt dòng tiền do thúc đẩy tiêu thụ, tồn kho NVL và SP hợp lý, sử dụng vốn đúng mục đích. Các chỉ tiêu tài chính đã được kiểm soát và được các tổ chức tín dụng đánh giá tốt hơn và cam kết cho Công ty vay vốn khi đầu tư các Dự án ở mức 75% trên tổng mức đầu tư 289,8 tỷ.

Việc hạch toán, trích lập các khoản dự phòng công nợ khó đòi đảm bảo quy định. Không phát sinh tăng công nợ khó đòi, song các khoản nợ quá hạn, khó đòi từ những năm trước (trên 4 tỷ đồng) Công ty tiếp tục giao cho các phòng liên quan và đơn vị tiếp tục triển khai thu đòi công nợ, song hầu hết không thể thu hồi. ĐDV sẽ đề nghị HĐQT xử lý theo Quy định.

Năm 2017, Công ty đạt lợi nhuận sau thuế là 10.342.394.330 đồng, tổng lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2017 là 18.151.946.006 đồng; tuy nhiên trong năm 2018 Công ty cần có nguồn vốn chủ sở hữu để đầu tư mở rộng dây chuyền 3 gạch men và đền bù khai thác nên HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2018 sẽ chưa thể trích lập các quỹ và chia cổ tức.

2.4. Việc niêm yết CK và kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

Tháng 01/2017 Trung tâm LKCK Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán TRT;

Thực hiện NQ ĐHĐCĐ năm 2017, HĐQT đã khẩn trương lựa chọn thời điểm, triển khai phương án phát hành 5.500.000 CP đồng thời hoàn thiện hồ sơ nộp UBCKNN để được chấp thuận phát hành, chào bán chứng khoán nhằm đảm bảo nguồn tài chính cho đầu tư mở rộng (dây chuyền SX gạch ốp lát cao cấp) làm tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty CP Trúc Thôn;

Ngày 15/01/2018, UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng. Sau khi hết hạn đăng ký mua (từ ngày 17/01 đến 07/3/2018) số cổ phần của cổ đông cổ đông hiện hữu không đăng ký mua là 5.046.492 cổ phiếu (91% CP chào bán);

Để đảm bảo thành công trong việc phát hành tăng vốn, ngày 08/3/2018, HĐQT Công ty đã tổ chức họp để khuyến khích, lựa chọn nhà đầu tư nhằm bán hết 5.046.492 cổ phiếu. Sau khi kết thúc đợt phát hành, ngày 20/3/2018, vốn điều lệ của Công ty CP Trúc Thôn đã đạt 110.000.000.000 đồng tăng 100% (đồng thời đã được UBCK NN, Trung tâm lưu ký CK chấp thuận).

3. Chi trả thù lao HĐQT, BKS Công ty:

Tổng số tiền thù lao chi trả cho các Thành viên HĐQT, BKS không làm việc trực tiếp tại Công ty năm 2017 là 192 triệu đồng, bằng 100% mức thù lao đã được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể:

- 03 thành viên HĐQT: 4 triệu đồng/người/tháng;
- 02 thành viên BKS: 2 triệu đồng/người/tháng.

Đối với các chức danh quản lý tham gia HĐQT, BKS kiêm nhiệm như: Tổng Giám đốc, Phó TGD, Trưởng BKS hiện đang làm việc trực tiếp tại Công ty thì hưởng phụ cấp kiêm nhiệm thấp hơn mức thù lao ĐHĐCĐ phê duyệt.

4. Hoạt động của HĐQT:

HĐQT nhiệm kỳ 2016 – 2020 gồm 5 thành viên được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, trong đó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD. Trong năm không có sự thay đổi thành viên HĐQT. Trong HĐQT có 02 Thành viên HĐQT trực tiếp tham gia điều hành Công ty với chức danh TGD và Phó TGD, 03 thành viên còn lại không làm việc trực tiếp tại Công ty;

Trong năm HĐQT đã tổ chức 03 phiên họp toàn thể (theo quy chế của HĐQT), có 100% số Thành viên HĐQT tham dự tất cả các cuộc họp. Chủ tịch HĐQT, TGD đã tổ chức xin ý kiến bằng văn bản các Thành viên HĐQT để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT và Điều lệ Công ty. Tổng số có 07 Nghị quyết và Quyết định được ban hành trong năm;

Trình tự, thủ tục họp HĐQT phù hợp với Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT. Các cuộc họp HĐQT có sự tham gia của Trưởng BKS và mời một số cán bộ quản lý tham dự;

Mọi quyết định của HĐQT là hoàn toàn khách quan, trung thực; Các quyết định được đưa ra đều có sự bàn bạc, thảo luận một cách cẩn trọng và kỹ lưỡng dựa trên những cơ sở, điều kiện thực tế của Công ty. Hoạt động của HĐQT luôn coi trọng quyền và lợi ích của cổ đông, vì sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty.

5. Kết quả giám sát, đánh giá của HĐQT đối với Ban điều hành:

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban điều hành quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban điều hành thông qua hệ thống các Nghị quyết, Báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp HĐQT định kỳ cũng như đột xuất;

Kết thúc năm 2017, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ, tuân thủ chỉ đạo, định hướng của HĐQT. Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017. Tập trung duy trì sản xuất gạch men, gạch chịu lửa; tập trung tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ các thủ tục hành chính liên quan đến Dự án đầu tư dây chuyền 3 gạch men và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

Trong năm TGD đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của Công ty. Mặc dù Chủ tịch HĐQT kiêm TGD song việc chuẩn bị các nội dung để báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt các nội dung được TGD thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng quy định Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;

Hàng quý các Thành viên HĐQT được TGD thông tin, báo cáo về tình hình SXKD, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đề ra;

TGD đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho BKS tiếp cận và kiểm tra tình hình tài chính và các mặt hoạt động của Công ty.

Kết luận:

Trong năm HĐQT, TGD và Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017, đặc biệt các giải pháp trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành của từng lĩnh vực đã nêu trên để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, sản xuất và tiêu thụ. Đây là động lực, nguồn động viên tích cực để toàn thể đội ngũ CBCNV Công ty phấn đấu hoàn thành các mục tiêu KH SXKD năm 2018 và những năm tiếp theo.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018

1. Đánh giá tình hình năm 2018:

- Lĩnh vực xây dựng tiếp tục tăng trưởng, lãi suất ngân hàng ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ và đầu tư của Công ty;

- Bên cạnh việc duy trì sản xuất, tiêu thụ các SP hiện có; Công ty phải đồng thời triển khai quyết liệt các hạng mục đầu tư của Dự án dây chuyền 3 gạch men và khai thác khoáng sản, trong điều kiện:

+ Nhu cầu về gạch men, gạch chịu lửa (SP chính của Công ty) sẽ không thuận lợi hơn so với năm 2017, cạnh tranh sẽ quyết liệt do các nhà SX (đặc biệt là gạch men) đều tăng năng lực SX, hiện đại hóa thiết bị, đa dạng sản phẩm, tồn kho của các nhà SX lớn. Hiệu quả SXKD gạch chịu lửa giảm nhiều so với thực hiện năm 2017. Trong khi nguồn lực của Công ty còn nhiều bất cập so với các nhà sản xuất cùng loại, cả về công suất, mức độ hiện đại của dây chuyền, thiết bị; về khả năng đa dạng sản phẩm; năng lực quản lý, công nghệ tuy đã dần được cải thiện, song còn hạn chế;

+ Chi phí tài chính sẽ tăng khi Công ty giải ngân thực hiện Dự án đầu tư.

Để tồn tại và phát triển, một mặt Công ty sẽ tiếp tục thúc đẩy Dự án đầu tư mới, mặt khác tìm mọi giải pháp trong SX, tiết kiệm chi phí,... để phát huy tối đa nguồn lực hiện tại, nhằm đem lại hiệu quả cho SXKD năm 2018.

2. Một số chỉ tiêu KH SXKD chủ yếu năm 2018

- **Doanh thu:** 355.000 triệu đồng

- **Sản xuất:** + Gạch men: 4.950.000 m².

+ Đất sét: 80.000 tấn.

+ Gạch chịu lửa: 12.500 tấn.

+ Đất đèn: 1.000 tấn.

- **Tiêu thụ:** + Gạch men: 5.100.000 m².

+ Đất sét: 40.000 tấn.

+ Gạch chịu lửa: 13.000 tấn.

+ Đất đèn: 1.050 tấn.

- **Lợi nhuận sau thuế:** 8.000 triệu đồng.

- **Thu nhập bình quân:** ≥ 8.000.000 đ/người/tháng.

3. Kế hoạch đầu tư năm 2018:

Để đảm bảo ổn định và phát triển SXKD, Công ty tiếp tục triển khai một số hạng mục đầu tư chuyển tiếp từ năm 2017 sang như: Đền bù giải phóng mặt bằng đất khai thác, thiết bị khai thác mỏ,...

Tập chung mọi nguồn lực để triển khai thực hiện các nội dung, hạng mục thuộc Dự án đầu tư dây chuyền SX gạch ốp lát granite CS 4 triệu m²/năm.

4. Tài chính

- Sau khi tăng vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng, Công ty tiếp tục cân đối và quản lý

tốt dòng tiền để đầu tư cho các Dự án; đồng thời tuân thủ việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích và hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện phương án và lộ trình thoái vốn của Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP tại Công ty CP Trúc Thôn (sau khi Công ty tăng VDL thì vốn của Tcty chiếm 20,05% VDL);

- Tiếp tục triển khai chủ trương của ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng phần đất 15.000 m² tại Cửa hàng GTSP & KDVLXD theo hướng: chuyển nhượng (bán) toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho đối tác khác có nhu cầu.

5. Các giải pháp chủ yếu:

- Tiếp tục phát huy hiệu quả SXKD từ các thiết bị, tài sản hiện có bằng việc nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết giảm tiêu hao NNVL, thực hành tiết kiệm, kiểm soát giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm hiện tại (gạch ốp lát, gạch chịu lửa, đất đèn, sét các loại).

- Tích cực hoàn thiện các thủ tục cấp phép cho hoạt động khai thác đất phục vụ trực tiếp nhu cầu sản xuất của Công ty và thương mại.

- Cân đối nguồn vốn đảm bảo phục vụ SXKD, đầu tư phát triển.

- Triển khai, thực hiện nhanh, đảm bảo chất lượng đối với Dự án đầu tư dây chuyền SX gạch ốp lát granite CS 4 triệu m²/năm: xây dựng nhà xưởng, lắp đặt thiết bị trong năm 2018; chạy thử, đi vào sản xuất trước quý II/2019. Đồng thời cân đối, lựa chọn trong việc triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư khác đã được phê duyệt.

- Thực hiện mọi giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu KH SXKD về doanh thu, lợi nhuận; đảm bảo việc làm, thu nhập cho NLD (phần đầu đạt mức thu nhập bằng hoặc cao hơn thực hiện năm 2017); đạt và vượt chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao.

- Xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác tài nguyên trong ngắn hạn và dài hạn sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên đây là báo cáo của HĐQT tổng kết hoạt động SXKD năm 2017 và nhiệm vụ năm 2018. Chúng tôi mong muốn các Quý Cổ đông sẽ đóng góp những ý kiến thiết thực giúp HĐQT, Ban điều hành thực hiện Nghị quyết Đại hội và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. /s/

Nơi nhận:

- TV HĐQT;
- Các Cổ đông;
- BKS;
- Lam VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH





CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Tel.: +84 3203 882243

Fax: +84 3203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn

Website: tructhon.com.vn

Số: 192 /BC- HĐQT

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH SAU KIỂM TOÁN NĂM 2017

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Trúc Thôn trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tóm tắt tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 ~ 31/12/2017 như sau:

A. Kết quả một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu như sau (Xin tham khảo tài liệu kèm theo).

I. Về tài sản:

1. Tài sản ngắn hạn:

- Số đầu năm: 89,2 tỷ đồng
- Số cuối năm: 98,3 tỷ đồng

So với đầu năm tăng 9,1 tỷ đồng tương ứng 10,2% là do chênh lệch giữa các khoản mục như sau:

- + Tiền và các khoản tương đương tiền giảm: 4,8 tỷ đồng (Do tiền gửi tại các ngân hàng chuyển sang tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn).
- + Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng: 5 tỷ đồng (Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn).
- + Phải thu ngắn hạn giảm: 0,5 tỷ đồng (Do phải thu ngắn hạn của khách hàng và trả trước cho người bán ngắn hạn giảm).
- + Hàng tồn kho tăng: 9,6 tỷ đồng (Do tồn kho nguyên vật liệu và hàng hóa tăng).
- + Tài sản khác giảm: 0,2 tỷ đồng.

2. Tài sản dài hạn:

- Số đầu năm: 96,7 tỷ đồng
- Số cuối năm: 87,5 tỷ đồng

So với đầu năm giảm 9,2 tỷ đồng tương ứng 9,6% là do chênh lệch giữa các khoản mục như sau:

- + Các khoản phải thu dài hạn tăng: 0, 1 tỷ đồng (Lãi ký quỹ ký cược dài hạn 2017).
- + Tài sản cố định giảm: 12,4 tỷ đồng (Do tăng mới TSCĐ là 2.2 tỷ đồng và trích khấu hao TSCĐ là 14,6 tỷ đồng).
- + Chi phí XDCB dở dang tăng: 2,9 tỷ đồng (Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của DA đầu tư mở rộng dây chuyền SX gạch granite cao cấp và máy móc thiết bị của NMGOL chưa tăng TSCĐ).
- + Tài sản dài hạn khác tăng: 0,2 tỷ đồng (Chi phí trả trước dài hạn tăng).

II. Về nguồn vốn:

1. Nợ phải trả:

- Số đầu năm: 119 tỷ đồng
- Số cuối năm: 108,7 tỷ đồng

So với đầu năm giảm 10,3 tỷ đồng tương ứng 8,7% là do chênh lệch giữa các khoản mục sau:

- + Nợ ngắn hạn giảm: 2,8 tỷ đồng (Do vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 4,1 tỷ đồng, phải trả người bán tăng 4,3 tỷ đồng, người mua trả tiền trước giảm 2,2 tỷ đồng, các khoản phải nộp ngân sách giảm 1,6 tỷ đồng, phải trả người lao động và phải trả khác tăng 0,8 tỷ đồng).
- + Nợ dài hạn giảm: 7,5 tỷ đồng (Do trả nợ vay dài hạn trong năm là 7,9 tỷ đồng và trích hoàn thổ tăng 0,4 tỷ đồng).

2. Vốn chủ sở hữu:

- Số đầu năm: 66,8 tỷ đồng
- Số cuối năm: 77,1 tỷ đồng

So với đầu năm tăng 10,3 tỷ đồng tương ứng 15,4% là do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng (Năm 2017 lãi 10,3 tỷ đồng).

B. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	350,545 tỷ đồng
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	0,024 tỷ đồng
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:	350,521 tỷ đồng
4. Giá vốn hàng bán:	311,074 tỷ đồng
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	39,447 tỷ đồng
6. Doanh thu hoạt động tài chính:	0,649 tỷ đồng
7. Chi phí tài chính:	2,824 tỷ đồng
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>2,625 tỷ đồng</i>
8. Chi phí bán hàng:	6,177 tỷ đồng
9. Chi phí QLDN:	16,750 tỷ đồng
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD:	14,345 tỷ đồng
11. Thu nhập khác:	1,088 tỷ đồng

12. Chi phí khác:	2,444 tỷ đồng
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	12,989 tỷ đồng
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:	2,647 tỷ đồng
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:	10,342 tỷ đồng

C. Tiền lương của TGD và các cán bộ quản lý khác năm 2017:

ĐVT: đồng

TT	Họ tên	Chức vụ	Lương, thưởng
1	Đặng Văn Việt	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	498.000.000
2	Nguyễn Đức Vinh Nam	TVHĐQT- Phó TGD	370.800.000
3	Đào Duy Minh	Phó TGD	334.800.000
4	Dương Thị Quyên	KTT kiêm TPTCKT	213.600.000

Ghi chú: Tiền lương áp dụng theo mức lương gốc tại Quy chế trả lương của Công ty.

Kính trình Đại hội chấp thuận thông qua. 

Nơi nhận:

- Các cổ đông Cty (b/c);
- ĐHCĐ (b/c);
- HĐQT, BKS;
- Lưu TC, VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Văn Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.373.829.887	89.208.352.533
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.094.999.534	18.815.217.376
1. Tiền	111		6.094.999.534	11.815.217.376
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5.000.000.000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.843.335.579	9.310.123.282
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.429.159.133	8.732.566.754
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.472.709.262	3.073.743.194
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.910.147.787	1.470.885.886
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.290.177.703)	(4.288.569.652)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.06	321.497.100	321.497.100
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	69.927.718.774	60.306.442.982
1. Hàng tồn kho	141		73.737.734.653	64.979.807.919
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.810.015.879)	(4.673.364.937)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		507.776.000	776.568.893
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	60.945.000	301.353.331
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	446.831.000	475.215.562
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.538.347.718	96.717.826.212
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.307.174.127	3.209.330.542
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.09	3.307.174.127	3.209.330.542
II. Tài sản cố định	220		80.936.798.110	93.341.829.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	80.936.798.110	93.341.829.007
- Nguyên giá	222		239.126.850.655	236.915.394.968
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(158.190.052.545)	(143.573.565.961)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11		
- Nguyên giá	228		76.400.000	76.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(76.400.000)	(76.400.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	2.984.707.608	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.984.707.608	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		309.667.873	166.666.663
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	309.667.873	166.666.663
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		185.912.177.605	185.926.178.745

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		108.732.551.599	119.088.947.069
I. Nợ ngắn hạn	310		71.649.389.877	74.483.828.395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	42.140.469.763	37.893.551.285
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.839.353.071	4.032.270.782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1.228.299.901	2.837.444.618
4. Phải trả người lao động	314		17.053.623.351	16.413.969.625
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	365.485.448	295.516.905
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.116.958.343	996.490.053
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19.1	7.905.200.000	12.014.585.127
II. Nợ dài hạn	330		37.083.161.722	44.605.118.674
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19.2	12.779.103.400	20.684.303.400
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	24.304.058.322	23.920.815.274
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.179.626.006	66.837.231.676
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	77.179.626.006	66.837.231.676
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411a, 411b)	411		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.700.000.000	3.700.000.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	415		(272.320.000)	(272.320.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		600.000.000	600.000.000
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		18.151.946.006	7.809.551.676
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		185.912.177.605	185.926.178.745

Hải Dương, ngày 07 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Hoà

Nguyễn Thị Hoà

Kế toán trưởng

Quyên

Đương Thị Quyên



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	350.545.433.173	353.914.405.397
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		24.820.000	31.507.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		350.520.613.173	353.882.898.397
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	311.073.761.604	315.446.184.838
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.446.851.569	38.436.713.559
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	649.780.543	248.939.912
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.823.698.883	3.465.099.893
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.625.374.727	3.093.750.168
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.176.920.022	7.181.970.620
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16.750.957.979	18.203.976.047
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.345.055.228	9.834.606.911
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.088.121.676	2.196.616.681
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.443.683.992	2.621.549.780
13. Lợi nhuận khác	40		(1.355.562.316)	(424.933.099)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.989.492.912	9.409.673.812
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.647.098.582	2.116.488.381
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.342.394.330	7.293.185.431
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.20.6	1.890	1.333
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Hải Dương, ngày 07 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

U Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng

Dương Thị Quyền

Dương Thị Quyền



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2017

Chi tiêu	Đơn vị tính: đồng	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	17.286.674.427	20.793.844.527
1. Lợi nhuận trước thuế	12.989.492.912	9.409.673.812
2. Điều chỉnh cho các khoản	16.448.860.303	19.118.235.777
+ Khấu hao tài sản cố định	14.959.507.803	14.361.541.273
+ Các khoản dự phòng	(861.741.007)	2.114.360.234
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	6.226.347	88.974.020
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	(280.507.567)	(540.389.918)
+ Chi phí lãi vay	2.625.374.727	3.093.750.168
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	29.438.353.215	28.527.909.589
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	529.720.984	(1.704.649.739)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(8.757.926.734)	(3.738.076.561)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	2.816.214.344	3.254.166.677
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	97.407.121	260.881.896
- Tiền lãi vay đã trả	(2.746.794.490)	(2.974.849.577)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.683.703.506)	(1.335.629.824)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	67.950.000	483.037.416
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(474.546.507)	(1.978.945.350)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(9.986.080.795)	(30.779.885.835)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	(5.132.588.007)	(32.353.734.086)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác		445.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(5.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		960.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	146.507.212	168.393.705
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(12.014.585.127)	14.597.018.527
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	13.667.952.110	84.191.193.054
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(25.682.537.237)	(69.591.894.527)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(4.713.991.495)	4.610.977.219
Tiền và tương đương tiền đầu năm	18.815.217.376	14.235.563.111
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(6.226.347)	(31.322.954)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	14.094.999.534	18.815.217.376

Hải Dương, ngày 07 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

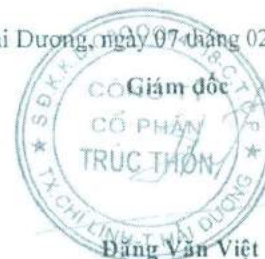
Hoos

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng

Blucy

Dương Thị Quyên



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trúc Thôn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800064718, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 26 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Trúc, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 55.000.000.000 VND (Năm mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất Gạch ốp lát, Gạch chịu lửa, đất đèn, ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800064718, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 26 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu chịu lửa và vật liệu xây dựng các loại;
- Khai thác, chế biến đất chịu lửa, đất sét trắng, quặng Đô lô mít;
- Mua bán: Vật liệu chịu lửa và vật liệu xây dựng các loại;
- Sản xuất kinh doanh đất đèn, hồ điện cực, fero các loại;
- Sản xuất, mua bán: các sản phẩm kim loại, các sản phẩm nguyên liệu phục vụ ngành thép;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp và thủy lợi;
- Lắp đặt và sửa chữa máy móc, thiết bị, xe máy;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân giá quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

4. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7/12/2009.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

HA
V
314
A
11/2017

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi

đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền		31/12/2017		01/01/2017
Tiền mặt tại quỹ		1.601.499.232		1.520.438.519
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		4.493.500.302		10.294.778.857
Tiền gửi có thời gian đáo hạn dưới 3 tháng		8.000.000.000		7.000.000.000
Cộng		14.094.999.534		18.815.217.376
2 . Đầu tư tài chính ngắn hạn				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
		Cuối năm		Đầu năm
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc
				Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có thời gian đáo hạn trên 3 tháng		5.000.000.000	5.000.000.000	
Cộng		5.000.000.000	5.000.000.000	-
3 . Phải thu khách hàng ngắn hạn		31/12/2017		01/01/2017
a) Phải thu khách hàng		7.429.159.133		8.732.566.754
- Công ty cổ phần luyện gang Vạn Lợi		1.460.076.232		1.460.076.232
- Nhà máy gạch Granit COSECO Long Hải		574.426.301		574.426.301
- Chi nhánh Công ty cổ phần GTTN - Nhà máy Luyện thép Lưu Xi		679.140.000		1.014.750.000
- Công ty TNHH TM & DV Sao đỏ		581.557.295		581.557.295
- Cửa hàng VLXD Phú Lâm		-		902.149.876
- Công ty TNHH Thuận Thắng		532.877.600		-
- Phải thu khách hàng khác		3.601.081.705		4.199.607.050
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		-		-
Cộng		7.429.159.133		8.732.566.754
4 . Trả trước người bán ngắn hạn		31/12/2017		01/01/2017
a) Trả trước cho người bán		2.472.709.262		3.073.743.194
- Công ty CP tư vấn thiết kế và xây dựng đô thị Việt Nam		156.000.000		-
- Công ty TNHH một thành viên TM và DV An Thành Phát		-		326.778.253
- Foshan Vikia Trading Co., Ltd		-		397.987.300
- Công ty TNHH thiết bị gốm sứ Glisten Việt Nam		2.012.820		358.412.820
- Công ty CP tư vấn, xây dựng công nghiệp và Hoạt động Khoáng		580.800.000		580.800.000
- Hợp tác xã công nghiệp 19-8		204.007.500		-
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư & XD Mỏ		802.810.655		719.045.455
- Trả trước cho người bán khác		727.078.287		690.719.366
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		-		-
Cộng		2.472.709.262		3.073.743.194

5 . Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	1.685.168.574	300.000.000	1.105.482.522	300.000.000
- CTCP Vật liệu Xây dựng Côn Sơn (Cổ tức)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
- Phải thu do chi âm Quỹ phúc lợi	1.047.269.773	-	580.266.373	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	134.000.355	-	-	-
- Khác	203.898.446	-	225.216.149	-
Tạm ứng	979.999.196	-	209.683.237	-
Dư nợ phải trả, phải nộp khác	244.980.017	-	155.720.127	-
- Bảo hiểm xã hội	191.019.499	-	108.159.685	-
- Bảo hiểm y tế	30.003.166	-	27.672.112	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	22.157.292	-	18.088.270	-
- Khác	1.800.060	-	1.800.060	-
Cộng	2.910.147.787	300.000.000	1.470.885.886	300.000.000

6 . Tài sản thiếu chờ xử lý	31/12/2017		01/01/2017	
- Tài sản thiếu chờ xử lý (*)		321.497.100		321.497.100
Cộng		321.497.100		321.497.100

(*) Là giá trị hàng tồn kho thiếu khi Công ty thực hiện giải thể và sáp nhập Công ty TNHH MTV Vật liệu chịu lửa Sao Đỏ (Công ty con sở hữu 100% vốn) trong năm 2015.

7 . Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	34.045.578.461	(1.015.444.017)	24.916.018.960	(1.306.728.590)
- Công cụ, dụng cụ	847.633.679	-	443.222.393	-
- Chi phí SXKD dở dang	795.866.525	-	589.494.334	-
- Thành phẩm	34.447.631.102	(294.567.862)	36.511.632.131	(866.632.347)
- Hàng hóa	3.601.024.886	(2.500.004.000)	2.519.440.101	(2.500.004.000)
Cộng	73.737.734.653	(3.810.015.879)	64.979.807.919	(4.673.364.937)

8 . Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2017		01/01/2017	
- Chi phí cấp phép quyền khai thác khoáng sản		-		174.236.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ		60.945.000		127.117.331
Cộng		60.945.000		301.353.331

9 . Phải thu dài hạn khác	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.307.174.127	-	3.209.330.542	-
Cộng	3.307.174.127	0	3.209.330.542	0

10 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	13.651.457.312	212.330.529.998	10.582.005.382	351.402.276	236.915.394.968
Số tăng trong năm	-	1.065.590.581	1.558.590.364	-	2.624.180.945
<i>Mua trong năm</i>	-	<i>1.065.590.581</i>	<i>1.558.590.364</i>	-	<i>2.624.180.945</i>
Số giảm trong năm	-	330.000.000	82.725.258	-	412.725.258
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	<i>330.000.000</i>	-	-	<i>330.000.000</i>
<i>Giảm khác</i>	-	-	<i>82.725.258</i>	-	<i>82.725.258</i>
Số dư cuối năm	13.651.457.312	213.066.120.579	12.057.870.488	351.402.276	239.126.850.655
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.567.993.699	126.467.163.581	7.217.006.405	321.402.276	143.573.565.961
Số tăng trong năm	897.814.986	13.533.157.599	502.711.055	25.824.163	14.959.507.803
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>897.814.986</i>	<i>13.533.157.599</i>	<i>502.711.055</i>	<i>25.824.163</i>	<i>14.959.507.803</i>
Số giảm trong năm	-	330.000.000	13.021.219	-	343.021.219
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	<i>330.000.000</i>	-	-	<i>330.000.000</i>
<i>Giảm khác</i>	-	-	<i>13.021.219</i>	-	<i>13.021.219</i>
Số dư cuối năm	10.465.808.685	139.670.321.180	7.706.696.241	347.226.439	158.190.052.545
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.083.463.613	85.863.366.417	3.364.998.977	30.000.000	93.341.829.007
Tại ngày cuối năm	3.185.648.627	73.395.799.399	4.351.174.247	4.175.837	80.936.798.110

11 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: đồng	
				Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm		76.400.000		76.400.000
Số dư cuối năm	0	76.400.000		76.400.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		76.400.000		76.400.000
Số cuối năm	0	76.400.000		76.400.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	0	-		0
Tại ngày cuối năm	0	-		0

12 . Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.984.707.608	-
- <i>Dờ dang mua sắm máy móc thiết bị</i>	<i>1.275.710.000</i>	
- <i>Dự án mở rộng Dây chuyền nhà máy gạch ốp lát</i>	<i>1.708.997.608</i>	
	2.984.707.608	0

13 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
- Chi phí trả trước dài hạn khác	309.667.873	166.666.663
Cộng	309.667.873	166.666.663

14 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	42.140.469.763	42.140.469.763	37.893.551.285	37.893.551.285
- China tiancheng group limited	0	0	2.491.264.167	2.491.264.167
- Công ty TNHH Fritta Việt Nam	1.313.656.260	1.313.656.260	2.190.848.260	2.190.848.260
- Cty TNHH than Hưng Thịnh Phát	7.017.636.125	7.017.636.125	3.385.284.416	3.385.284.416
- Cty TNHH MTV Hoàng Thành Sao Đỏ	9.102.683.754	9.102.683.754	10.423.257.871	10.423.257.871
- Stone trading Limited	2.867.729.300	2.867.729.300	0	0
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	21.838.764.324	21.838.764.324	19.402.896.571	19.402.896.571
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	42.140.469.763	42.140.469.763	37.893.551.285	37.893.551.285

15 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.839.353.071	4.032.270.782
- Công ty TNHH một thành viên TM và DV An Thành Phát	-	258.812.126
- Công ty cổ phần vận tải và xây dựng Đại Phong	-	542.966.800
- Công ty cổ phần gạch cổ Bát Tràng Hà Giang	-	271.073.500
- Chi nhánh Công ty TNHH TM Gia Phong tại Thái Nguyên	-	247.460.500
- Công ty TNHH Hùng Hằng	100	313.834.100
- Công ty cổ phần SX & TM Lam Sơn	127.446.600	-
- Công ty TNHH Gạch Tuynel Minh Du	100.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Mạnh Ngân	-	317.096.900
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Việt Phúc Đức	-	304.471.000
- Cửa hàng VLXD Lê Thành	286.825.579	23.072.885
- Công ty TNHH Thiên Kê	94.966.118	13.798
- Cửa Hàng VLXD Hùng Hồng	118.849.900	16.876.400
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.111.264.774	1.736.592.773
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Cộng	1.839.353.071	4.032.270.782

16 . Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm		Số thực nộp trong năm		31/12/2017	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp		
Thuế GTGT	-	1.292.244.065	12.179.125.671	12.785.794.934	-	685.574.802		
Thuế XNK	-	66.541.230	324.707.391	384.199.556	-	7.049.065		
Thuế TNDN	-	1.350.345.938	2.647.098.582	3.683.703.506	-	313.741.014		
Thuế TNCN	28.384.562	-	110.773.652	31.702.042	-	50.687.048		
Thuế tài nguyên	-	108.334.870	732.210.022	677.386.450	-	163.158.442		
Thuế đất	446.831.000	-	1.602.614.632	1.602.614.632	446.831.000	-		
Thuế khác	-	19.978.515	277.844.119	289.733.104	-	8.089.530		
Cộng	475.215.562	2.837.444.618	17.874.374.069	19.455.134.224	446.831.000	1.228.299.901		

(*) Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ:	2.647.098.582
	2.647.098.582

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí lãi vay phải trả	39.415.090	160.834.853
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	186.000.000	
Chi phí bồi dưỡng độc hại	140.070.358	134.682.052
Cộng	365.485.448	295.516.905

18 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2017			01/01/2017
- Kinh phí công đoàn	210.237.216			106.786.177
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	200.000.000			200.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	706.721.127			689.703.876
+ Phải trả về cổ tức	615.359.714			615.359.714
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	91.361.413			74.344.162
Cộng	1.116.958.343			996.490.053
19 . Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2017
19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.905.200.000	21.573.152.110	25.682.537.237	12.014.585.127
Vay ngắn hạn	-	13.667.952.110	17.767.537.237	4.099.585.127
a, Vay ngắn hạn (VND)	-	13.667.952.110	17.767.537.237	4.099.585.127
<i>BIDV - CN Bắc Hải Dương</i>	-	13.667.952.110	17.147.537.237	3.479.585.127
<i>Ông Đặng Văn Việt</i>	-	-	620.000.000	620.000.000
b, Nợ dài hạn đến hạn trả	7.905.200.000	7.905.200.000	7.915.000.000	7.915.000.000
<i>BIDV - CN Bắc Hải Dương</i>	7.905.200.000	7.905.200.000	7.915.000.000	7.915.000.000
<i>(1)</i>				
19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.779.103.400	-	7.905.200.000	20.684.303.400
Vay dài hạn	12.779.103.400	-	7.905.200.000	20.684.303.400
- Vay dài hạn (VND)	12.779.103.400	-	7.905.200.000	20.684.303.400
<i>BIDV - CN Bắc Hải Dương</i>	12.779.103.400	-	7.905.200.000	20.684.303.400
<i>(1)</i>				

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 01/2015/219089/HĐTD ngày 23/01/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần. Số tiền vay tối đa là 775.000.000 đồng, mục đích vay: Đầu tư 01 xe ô tô Camry 2.5Q, 05 chỗ. Lãi suất: 10,5%/năm và sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất của Ngân hàng quy định. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay;

Hợp đồng tín dụng số 02/2015/219089/HĐTD ngày 08/04/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần. Số tiền vay tối đa là 14.700.000.000 đồng, mục đích vay: Đầu tư nâng cấp, mở rộng lò tuynel sản xuất gạch chịu lửa công suất 12.000 tấn/năm. Lãi suất: 10,5%/năm và sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất của Ngân hàng quy định. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trên thửa đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AL/569029, vào sổ số T01211 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 21/07/2008 theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 219089B/10/HĐTCBDS ký kết ngày 06/07/2010, công chứng ngày 08/07/2010, máy móc thiết bị hình thành từ dự án vay vốn Đầu tư nâng cấp, mở rộng lò tuynel sản xuất gạch chịu lửa công suất 12.000 tấn/năm theo Hợp đồng thế chấp là máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 02/2015/219089/HĐBĐ ngày 08/04/2015.

Hợp đồng tín dụng số 03/2015/219089/HĐTD ngày 26/11/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần. Số tiền vay tối đa là 24.465.000.000 đồng, mục đích vay: Đầu tư, cải tạo nâng cấp 2 dây chuyền sản xuất gạch ốp, lát, lãi suất: 10%/năm và sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất của Ngân hàng quy định. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 219089B/10/HĐTCBDS ngày 06/07/2010, số 219089A/10/HĐTCDS ngày 06/07/2010, số 02/2009/HĐTC ngày 23/11/2009, số 01/2010/HĐTC ngày 06/07/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thôn Trúc, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

20 . Dự phòng phải trả	31/12/2017	01/01/2017
- Dự phòng phải trả dài hạn	24.304.058.322	23.920.815.274
+ <i>Dự phòng phải trả Chi phí hoàn nguyên môi trường (*)</i>	24.304.058.322	23.920.815.274
Cộng	24.304.058.322	23.920.815.274

(*) Căn cứ trên báo cáo sản lượng khai thác đất trong từng tháng, Công ty thực hiện trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường theo đơn giá hoàn thổ 45.000 đồng/m³ và tỷ lệ quy đổi tương đương giữa đơn vị tấn và đơn vị m³ đất.

21 . Vốn chủ sở hữu

21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01 trang 30)

21.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Thép Việt Nam	22.060.000.000	22.060.000.000
Các cổ đông khác	32.940.000.000	32.940.000.000
Cộng	55.000.000.000	55.000.000.000

21.3. Các giao dịch về vốn với các CSH

và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	55.000.000.000	55.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ Vốn góp cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.4. Cổ phiếu

	31/12/2017	1/1/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	5.500.000	5.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	27.232	27.232
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.232	27.232
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.472.768	5.472.768
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.472.768	5.472.768
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

21.5. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2017	1/1/2017
- Quỹ đầu tư phát triển	600.000.000	600.000.000

21.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/12/2017	1/1/2017
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.342.394.330	7.293.185.431
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.342.394.330	7.293.185.431
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.472.768	5.472.768
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.890	1.333

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

		Đơn vị tính: Đồng	
		Năm nay	Năm trước
1	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Doanh thu		
	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	350.545.433.173	353.914.405.397
	Cộng	350.545.433.173	353.914.405.397
2	Giá vốn hàng bán		
	- Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	311.073.761.604	315.446.184.838
	Cộng	311.073.761.604	315.446.184.838
3	Doanh thu hoạt động tài chính		
	- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	280.507.567	94.935.372
	- Lãi chênh lệch tỷ giá	270.711.779	59.055.682
	- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		94.948.858
	- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	717.612	
	- Doanh thu hoạt động tài chính khác	97.843.585	
	Cộng	649.780.543	248.939.912
4	Chi phí tài chính		
	- Lãi tiền vay	2.625.374.727	3.093.750.168
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(217.640.245)
	- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	179.866.485	500.015.950
	- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	18.457.671	88.974.020
	Cộng	2.823.698.883	3.465.099.893
5	Chi phí bán hàng		
	- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	605.839.728	484.177.169
	- Chi phí nhân công	2.895.972.714	1.913.422.337
	- Chi phí khấu hao TSCĐ	326.502.264	283.628.464
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.777.761.590	2.647.264.742
	- Chi phí bằng tiền khác	570.843.726	1.853.477.908
	Cộng	6.176.920.022	7.181.970.620
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	- Chi phí nhân công	8.703.902.849	10.205.145.299
	- Chi phí nguyên vật liệu	830.614.310	733.129.468
	- Chi phí KHTSCĐ	447.985.621	505.897.555
	- Thuế, phí và lệ phí	1.469.714.648	1.210.565.874
	- Hoàn nhập/trích lập dự phòng	(19.000.000)	113.954.081
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.219.226.455	3.562.057.505
	- Chi phí bằng tiền khác	2.098.514.096	1.873.226.265
	Cộng	16.750.957.979	18.203.976.047

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thôn Trúc, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Năm nay	Năm trước
7 . Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		445.454.546
- Thu nhập từ thanh lý phế phẩm	412.185.400	745.234.200
- Thu từ nhập lại hàng thừa khi kiểm kê		650.444.820
- Các khoản khác	675.936.276	355.483.115
Cộng	1.088.121.676	2.196.616.681
8 . Chi phí khác		
- Lỗ thanh lý tài sản cố định (Xe tải bị cháy)	69.704.039	
- Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho bán được trong kỳ	(527.376.827)	
- Các khoản phạt	0	1.172.768.091
- Chi phí phân loại lại gạch và xử lý vật tư tồn kho	169.814.485	359.537.298
- Chi phí trong giai đoạn ngừng để sửa chữa TSCĐ theo kế hoạch	2.731.542.295	822.974.132
- Chi phí khác		266.270.259
Cộng	2.443.683.992	2.621.549.780
9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	12.989.492.912	9.409.673.812
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	246.000.000	1.172.768.091
- Các khoản điều chỉnh tăng	246.000.000	1.172.768.091
+ Chi phí khác không hợp lý hợp lệ	246.000.000	1.172.768.091
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
c. Thu nhập tính thuế TNDN (a)+(b)	13.235.492.912	10.582.441.903
d. Thuế TNDN ={(c)*thuế suất thuế TNDN}	2.647.098.582	2.116.488.381
10 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	239.848.663.067	243.841.683.062
Chi phí nhân công	51.051.589.869	51.234.807.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.959.507.803	13.538.567.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.928.338.275	26.199.895.994
Chi phí khác bằng tiền	7.213.540.591	5.908.679.284
Cộng	334.001.639.605	340.723.632.994

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam	Hà Nội	Cổ đông sáng lập

3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Thu nhập Ban Giám đốc, Thù lao HĐQT, ban Kiểm soát năm 2017:

TT	Bộ phận	Thu nhập
1	Thù lao HĐQT, ban Kiểm soát	306000000
2	Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	976800000
3	Thu nhập Kế toán trưởng	184800000
Cộng		<u>1.467.600.000</u>

4. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	14.094.999.534	-	18.815.217.376	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.114.327.707	-	9.838.049.276	-
Cộng	<u>28.209.327.241</u>	<u>-</u>	<u>28.653.266.652</u>	<u>-</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	1/1/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác			43.257.428.106	38.890.041.338
Chi phí phải trả			365.485.448	295.516.905
Các khoản vay			20.684.303.400	32.698.888.527
Cộng			<u>64.307.216.954</u>	<u>71.884.446.770</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ (31/12/2017)			
Các khoản vay	-	12.779.103.400	12.779.103.400
Phải trả người bán	42.140.469.763	-	42.140.469.763
Chi phí phải trả	365.485.448	-	365.485.448
Phải trả khác	1.116.958.343	-	1.116.958.343
Số đầu kỳ (01/01/2017)			
Các khoản vay	4.099.585.127	20.684.303.400	24.783.888.527
Phải trả người bán	37.893.551.285	-	37.893.551.285
Chi phí phải trả	295.516.905	-	295.516.905
Chi phí phải trả nội bộ	-	-	-
Phải trả khác	996.490.053	-	996.490.053

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

6 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công TNHH Hãng kiểm toán AASC.

7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

8 . Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Trúc Thôn được Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 07/02/2018.

Hải Dương, ngày 07 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Hoà

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng

Thị Quyên

Dương Thị Quyên



107
IGT
IEMH
TOA
BIN
TN
JAN

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thôn Trúc, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	55.000.000.000	3.700.000.000	(272.320.000)	600.000.000		516.366.245	59.544.046.245
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	7.293.185.431	7.293.185.431
Số dư đầu năm nay	55.000.000.000	3.700.000.000	(272.320.000)	600.000.000	0	7.809.551.676	66.837.231.676
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	10.342.394.330	10.342.394.330
Số dư cuối năm nay	55.000.000.000	3.700.000.000	(272.320.000)	600.000.000	0	18.151.946.006	77.179.626.006



Số: 184 /BC-BKS

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính thưa các Quý vị đại biểu tham dự Đại hội.

Kính thưa các Quý vị cổ đông!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty cổ phần Trúc Thôn (Công ty), BKS Công ty trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm tra, giám sát năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Trong năm 2017, BKS đã bám sát Nghị quyết số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2017 của ĐHĐCĐ Công ty, xây dựng chương trình hoạt động để triển khai các công tác, cụ thể như sau:

- Kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ được phê duyệt trong Điều lệ Công ty và các kế hoạch ngắn, trung và dài hạn của Công ty;

- Kiểm tra tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, cả năm của Công ty;

- Thực hiện giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ, kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã ký với Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

- Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2017; Báo cáo công tác quản lý, điều hành năm 2017 của Công ty; Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả công tác kiểm tra giám sát năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty.

- Tham dự các phiên họp thường kỳ của HĐQT và các phiên họp giao ban tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình và làm cơ sở cho việc giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Công ty.

- Giám sát và tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp 2014.

B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2017.

I. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Qua công tác giám sát các hoạt động quản trị của Công ty, công tác thẩm định BCTC năm 2017 của Công ty, BKS có một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Tình hình hoạt động của Công ty

Năm 2017 tình hình sản xuất tiêu thụ gạch men, gạch chịu lửa đã có chuyển biến tích cực, năng lực trình độ quản lý, tay nghề của cán bộ và người lao động đã dần được cải thiện...Tuy nhiên hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh của thị trường, sản phẩm gạch men của Công ty không đa dạng, sản phẩm đơn điệu (chỉ có gạch cấp thấp, kích thước nhỏ...). Mặc dù sản lượng gạch ốp lát chưa đạt kế hoạch do cơ cấu sản phẩm thay đổi theo nhu cầu thị trường, nhưng các chỉ tiêu về năng suất cũng như chất lượng sản phẩm đã tăng hơn so với kế hoạch và so với năm 2016.

Về sản phẩm gạch chịu lửa đã tăng được sản lượng, tuy nhiên việc phát triển thị trường tiêu thụ gạch có chất lượng cao như gạch chịu lửa sa-môt A; gạch chịu lửa cao nhôm còn hạn chế...;

Trong năm 2017, các mặt hoạt động của Công ty nói chung đã đạt được những kết quả khả quan. Tuy doanh thu chưa đạt kế hoạch, nhưng lợi nhuận đã tăng hơn năm trước. Với điều kiện môi trường SXKD còn khó khăn, kết quả đạt được đã phản ánh sự nỗ lực, cố gắng và thành công của tập thể Lãnh đạo và người lao động toàn Công ty trong việc triển khai các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra .

2. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính

Qua thẩm định các Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA). BKS xin báo cáo kết quả thẩm định như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá ước tính một cách hợp lý, thận trọng và tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam;

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;

- Báo cáo tài chính đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2017 theo đúng Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

BKS thống nhất về các số liệu kết quả kinh doanh đã được thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh của Công ty trong năm tài chính 2017 theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán như sau:

Chỉ tiêu	TH 2016	TH 2017	TH 2017/ TH 2016
Doanh thu thuần BH & CCDV	353.883	350.521	99%
Giá vốn hàng bán	315.446	311.074	98,6%
LN gộp về BH và CCDV	38.437	39.447	102,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	249	650	261%
Chi phí tài chính	3.465	2.824	81,5%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>3.094</i>	<i>2.625</i>	84,8%
Chi phí bán hàng	7.182	6.177	86%
Chi phí quản lý	18.204	16.751	92%
LN thuần từ hoạt động kinh doanh	9.835	14.345	145,8%
Thu nhập khác	2.197	1.088	49,5%
Chi phí khác	2.621	2.443	93,2%
Lợi nhuận khác	(424)	(1.355)	32%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.409	12.989	138%

Số liệu kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty lãi trước thuế 12,9 tỷ đồng đạt 144% kế hoạch lợi nhuận năm do Đại hội đồng cổ đông giao, tăng 38% so với thực hiện năm 2016. Chi tiết các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Doanh thu bán hàng năm 2017 là 350 tỷ đồng, bằng 99% so với thực hiện năm trước; Giá vốn hàng bán năm 2017 bằng 98,6% so với thực hiện năm trước, nên lợi nhuận gộp năm 2017 bằng 102,6% so với năm 2016.

- Chi phí tài chính năm 2017 là 2,8 tỷ đồng, bằng 81% so với thực hiện năm trước, trong đó chi phí lãi vay 2,6 tỷ đồng.

- Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý là 22,9 tỷ đồng, bằng 90% so với thực hiện năm trước, số chi phí này chủ yếu phục vụ công tác quản lý của Công ty.

- Năm 2017 Công ty đạt được kết quả kinh doanh như trên là do Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã có nhiều giải pháp quyết liệt, kịp thời về công tác quản trị, điều hành, đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả trong SXKD của Công ty.

4. Công tác đầu tư phát triển

Năm 2017 HĐQT, Ban điều hành Công ty đã bám sát mục tiêu nhiệm vụ mà Nghị quyết đại hội đề ra, tập trung đầu tư nâng cấp một số tài sản thiết bị thực sự cần thiết phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty, do vậy các dự án khi hoàn thành đưa vào sử dụng đã đạt năng suất, chất lượng phát huy hiệu quả trong quá trình đầu tư, góp phần tăng hiệu quả trong SXKD của Công ty.

Trong quá trình đầu tư Công ty đã tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư như lập dự án, thẩm định, thẩm tra phê duyệt các dự án, bố trí huy động đủ vốn cho dự án, phê duyệt quyết toán dự án, tăng tài sản và khấu hao theo quy định.

II. Kết quả giám sát công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban điều hành Công ty năm 2017; BKS thấy rằng các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã có sự nỗ lực rất lớn trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2017 của ĐHĐCĐ và Kế hoạch SXKD 2017 của Công ty. Các quyết định trong hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định tại Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, các phiên họp HĐQT mở rộng để nắm bắt và chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các đơn vị ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra để ban hành các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo sản xuất kinh doanh kịp thời, HĐQT thường xuyên lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết, Quyết định kịp thời để định hướng chỉ đạo sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2017 và quy định của pháp luật.

Thông qua công tác giám sát, BKS đã có những kiến nghị, đề xuất với HĐQT để đưa ra các quyết sách kịp thời nhằm tăng cường công tác quản lý, đầu tư phát triển và ổn định sản xuất kinh doanh.

III. Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2017, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông theo đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi. Trưởng BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. BKS đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong công tác quản lý, điều hành của HĐQT, TGD và nhiều ý kiến đã được HĐQT, TGD tiếp nhận và chỉ đạo kịp thời.

IV. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát

Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ Công ty, với kết quả hoạt động năm 2017, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban điều hành trong việc quản trị và điều hành Công ty;

- BKS đã hoàn thành tốt việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017 theo Chuẩn mực kế toán được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) kiểm toán;

- Qua thực hiện nhiệm vụ BKS đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT để tăng cường công tác quản trị, kiểm soát nội bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Các đề xuất, kiến nghị của BKS đã được HĐQT, Tổng Giám đốc quan tâm chỉ đạo, thực hiện.

- BKS đã hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Các quyết định, báo cáo của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Trong các phiên họp và hoạt động của BKS, các thành viên BKS đều làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm, đóng góp các ý kiến quan trọng, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS để BKS đưa ra các quyết định kịp thời và hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ giao.

C. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

- Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất gạch Granit cao cấp, công suất 4 triệu m²/năm. Trong quá trình đầu tư các Dự án cần tuân thủ các quy định về đấu thầu, lựa chọn thiết bị; song đồng thời phải đảm bảo hiệu quả của Dự án. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các gói thầu để sớm đưa Dự án vào hoạt động.

- Cần cân đối vốn cho đầu tư hợp lý, không dùng vốn ngắn hạn cho đầu tư dài hạn. Tăng cường công tác thu đòi công nợ để giảm nợ phải thu, không để phát sinh nợ quá hạn, khó đòi.

- Trong quá trình tăng vốn điều lệ, sử dụng vốn cho đầu tư cần tuân thủ các quy định của pháp luật: Báo cáo UBCKNN, sửa đổi điều lệ và ĐKKD.

- Đẩy mạnh công tác sáng kiến hợp lý hóa trong sản xuất, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá tiếp thị giới thiệu sản phẩm mở rộng thị trường trong và ngoài nước để tiêu thụ sản phẩm.

Trên đây là Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2017 được các thành viên BKS nhất trí thông qua, kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Cty;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: BKS, TK Cty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**





CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN
Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP
Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương
Tel.: +84 3203 882243 Fax: +84 3203 883163
E-mail: tructhon@tructhon.com.vn Website: tructhon.com.vn

Số: 188 /TTr- HĐQT

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là những nội dung yêu cầu mới trong công tác quản trị quản trị, điều hành tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và quy định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 22/4/2016, Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết phải sửa đổi Điều lệ hiện hành cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị, điều hành.

(Nội dung sửa đổi Điều lệ theo phụ lục đính kèm)

Điều lệ được sửa đổi sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua; đồng thời giao cho Người đại diện theo pháp luật và Hội đồng quản trị ký ban hành.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu Tky Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Văn Việt

BẢN ĐỐI CHIẾU ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH VÀ DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

(Kèm theo Tờ trình số: 188/TTr-HĐQT ngày/2tháng 4 năm 2018)

1. **Lý do sửa đổi:** Công ty hiện là công ty niêm yết trên sàn Ucomp tại Sở GDCK Hà Nội. Tuân thủ, phù hợp với các nội dung tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; đồng thời phù hợp Theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính. Phù hợp thực tế của Công ty.

2. Các ký hiệu dưới đây được hiểu như sau:

- Phần nội dung trong (...) * là giữ nguyên như Điều lệ cũ (năm 2016) hoặc các nội dung chi tiết khác không liệt kê vào bảng dưới đây, đề nghị Quý cổ đông theo dõi trong dự thảo Điều lệ mới (năm 2018) trên Website: tructhon.com.vn (mục quan hệ cổ đông → tài liệu ĐHĐCĐ năm 2018).
- Các cụm từ gạch chân là những nội dung bổ sung, sửa đổi.
- **Nghị định 71:** là Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- **Thông tư 95:** là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính .

3. Lưu ý:

- Thay tất cả các cụm từ “*Cán bộ quản lý*” trong Điều lệ cũ (2016) bằng c ụm từ “*Người điều hành doanh nghiệp*” trong Điều lệ mới.
- Một số *từ* hoặc *cụm từ* của của Điều lệ mới thay cho Điều lệ cũ **không làm thay đổi bản chất của nội dung** cụm từ, do vậy không diễn giải chi tiết trong bảng dưới đây.

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1	Chưa quy định đầy đủ	(...)* d. " <u>Luật chứng khoán</u> " là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;	<i>Bổ sung phù hợp luật hiện hành</i>
2	đ. " <u>Cán bộ quản lý</u> " là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý	f. " <u>Người điều hành doanh nghiệp</u> " là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và <u>người</u>	<i>Khoản 5, Điều 2, Nghị định 71</i>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
	khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.;	<u>điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</u>	
3	e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định Khoản 17 điều 4 Luật doanh nghiệp	g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	<i>Khoản 9, Điều 2, Nghị định 71</i>
4	Chưa quy định	h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán	<i>Khoản 3, Điều 2, Nghị định 71</i>
5	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở... của Công ty Khoản 4. Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.	<u>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Cty</u> a. <u>Số lượng người đại diện theo pháp luật là một người. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u> (...)* e. <u>Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam...cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</u>	<i>Tách riêng điều khoản về người đại diện theo pháp luật theo Điều lệ mẫu tại Thông tư 95.</i>
6	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 55.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần	<u>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</u> 1. <u>Vốn điều lệ của Công ty là 110.000.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm mười tỷ đồng).</u> Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <u>11.000.000 (bằng chữ: Mười một triệu) cổ phần</u> với mệnh giá là 10.000 (bằng chữ: Mười ngàn) đồng/cổ phần.	<i>Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ lên 110 tỷ đồng</i>
7	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	<i>Điểm c, d Khoản 2 Điều</i>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
	Chưa quy định	(...)*) a. <u>Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> b. <u>Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u> (...)*)	<i>140 Luật doanh nghiệp</i>
8	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (...)*) 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (...)*) 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	<i>Khoản 4 Điều 144 Luật doanh nghiệp</i>
9	Chưa quy định	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng</u>	<i>Khoản 1, Điều 11, Nghị định 71</i>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
		<p><u>viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u> b. <u>Trình độ học vấn;</u> c. <u>Trình độ chuyên môn;</u> d. <u>Quá trình công tác;</u> e. <u>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</u> f. <u>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</u> g. <u>Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</u> h. <u>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u> i. <u>Các thông tin khác (nếu có).</u> 	
10	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiều nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. (...)*</p> <p><u>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên</u></p>	<p><i>Khoản 5 Điều 13, Nghị định 71</i></p>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
	<p>đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2.Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p>	<p><u>Hội đồng quản trị.</u></p> <p>2.Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>(...)*</p> <p><u>f.Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên bầu Hội đồng quản trị;</u></p> <p>(...)*</p>	
11	<p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm....</p>	<p>Bỏ quy định này.</p>	<p><i>Việc bầu bổ sung này bắt buộc phải đến ĐHĐCĐ gần nhất bầu ra phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 156 LDN2014 hoặc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường</i></p>
12	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>...</p> <p>Chưa quy định đầy đủ.</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>(...)*</p> <p><u>m.Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;</u></p> <p><u>n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ</u></p>	<p>- <i>Bổ sung nội dung Khoản 1, Điều 7, Nghị định 71 cho đầy đủ</i></p> <p>-</p>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
		<p><u>đồng thông qua quyết định:</u></p> <p><u>o.Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>(...)*</p>	
13	<p>Điểm e Khoản 4 Điều 25</p> <p>4. Những vấn đề phải được HĐQT phê chuẩn.</p> <p>...</p> <p>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p>	<p>Điểm e Khoản 3 Điều 27.</p> <p>3. Những vấn đề phải được HĐQT phê chuẩn.</p> <p>(...)*</p> <p>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và giá trị từ 10 % đến < 35% tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p>Làm rõ Điểm e của Điều lệ cũ.</p>
14	<p>Điều 31. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>1. <u>Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u></p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</u></p> <p>2. <u>Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</u></p> <p>a. <u>Có hiểu biết về pháp luật;</u></p> <p>b. <u>Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</u></p> <p>c. <u>Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng</u></p>	<p>Khoản 1, Điều 18 Nghị định 71</p>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
	<p>2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>3. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.</p> <p>5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><u>quản trị.</u></p> <p>3. <u>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.</u></p> <p>4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. <u>Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u></p> <p>b. <u>Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u></p> <p>c. <u>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u></p> <p>d. <u>Tham dự các cuộc họp;</u></p> <p>e. <u>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</u></p> <p>f. <u>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</u></p> <p>b. <u>Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</u></p> <p>c. <u>Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u></p> <p>i. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của</u></p>	

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
		pháp luật và Điều lệ công ty.	
15	Điều 29. Cán bộ quản lý	<p>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. (...)*</p> <p><u>Người điều hành doanh nghiệp (...)*</u></p> <p>2. (...)* <u>Người điều hành doanh nghiệp (...)*.</u></p>	<i>Nghị định 71 thay cụm từ “Cán bộ quản lý” bằng cụm từ “Người điều hành doanh nghiệp”</i>
16	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p><u>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc đến năm 2020, sau thời gian đó Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; (...)*</u></p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>(...)*</p> <p><u>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</u></p> <p>(...)*</p> <p><u>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</u></p>	<i>Khoản 2 Điều 12 Nghị định 71</i>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
17	<p>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Chưa quy định đầy đủ</p>	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 30% trở lên được đề cử ba (03) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p><i>Điều 19 Nghị định 71, đồng thời bổ sung một số nội dung Điều 32 của Điều lệ cũ (2016)</i></p>
18		<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>1. (...)*</p> <p>2. <u>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các</u></p>	<p><i>Điều 20,21 Nghị định 71</i></p>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
		<p>trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty <u>trong ba (03) năm liền trước đó.</u> <p>3. (...) * Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu <u>Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</u> cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo <u>Ban kiểm soát;</u> c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 	
19	Điều 33. Ban kiểm soát	<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</u> b. <u>Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</u> 	<i>Điều 22 Nghị định 71</i>

ST T	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Lý do/ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> c. <u>Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</u> d. <u>Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u> e. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u> f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 	

Lưu ý: Đề nghị Quý cổ đông tham khảo chi tiết toàn văn nội dung Điều lệ cũ và dự thảo Điều lệ mới trên Website: truchon.com.vn (mục quan hệ cổ đông).



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Tel.: +84 3203 882243

Fax: +84 3203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn

Website: tructhon.com.vn

Số: 186 /TTTr- HĐQT

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;

Trên cơ sở tham khảo mẫu Quy chế quản trị tại Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính.

Sau khi đối chiếu Quy chế quản trị hiện hành của Công ty đã được HĐQT ban hành ngày 02/11/2016; Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty với những nội dung chủ yếu sau:

1. Chương I: Quy định chung, bao gồm 4 điều quy định về phạm vi điều chỉnh, các thuật ngữ và từ viết tắt trong Quy chế, nguyên tắc quản trị Công ty.

2. Chương II: Đại hội đồng cổ đông, bao gồm 5 điều quy định trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, gồm:

- Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

- Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

- Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu;

- Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp);

- Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Thông qua Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;

3. Chương III: Hội đồng quản trị, bao gồm 4 điều quy định về cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; ứng cử, đề cử, bổ nhiệm và miễn nhiệm

thành viên Hội đồng quản trị; trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

4. Chương IV: Ban kiểm soát, bao gồm 5 điều, quy định về cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát; ứng cử và đề cử, thành viên Ban kiểm soát; quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát; thẩm quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát; quy trình, chế độ hoạt động, thù lao của Ban kiểm soát.

5. Chương V: Tổng giám đốc và bộ máy quản lý điều hành, gồm 4 điều, quy định các tiêu chuẩn của Tổng giám đốc và thành viên bộ máy quản lý điều hành; bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc và thành viên bộ máy quản lý điều hành; quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc; quy trình hoạt động của bộ máy quản lý điều hành.

6. Chương VI: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động, gồm 4 điều, quy định nguyên tắc làm việc nói chung; quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị; quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát; quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Bộ máy quản lý điều hành.

7. Chương VII: Đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật, gồm 3 điều quy định trình tự đánh giá, khen thưởng và kỷ luật đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên bộ máy quản lý điều hành và Thư ký Công ty.

8. Chương VIII: Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan, gồm 3 điều quy định về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên bộ máy quản lý điều hành; quy định về giao dịch với người có liên quan.

9. Chương IX: Đào tạo về quản trị Công ty, gồm 1 điều quy định về trách nhiệm tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Thư ký Công ty và cán bộ chuyên trách công bố thông tin.

10. Chương X: Chế độ báo cáo và giám sát, gồm 3 điều quy định về chế độ báo cáo, giám sát ngoài Công ty và giám sát nội bộ.

11. Chương XI: Giải quyết tranh chấp nội bộ, gồm 1 điều quy định trình tự giải quyết tranh chấp nội bộ

12. Chương XII: Điều khoản thi hành, gồm 2 điều quy định về sửa đổi, bổ sung và thi hành Quy chế.

(Dự thảo chi tiết Quy chế nội bộ về quản trị Công ty kèm theo).

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua *DL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu Tký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương

Tel.: +84 3203 882243

Fax: +84 3203 883163

E-mail: trucihon@tructhon.com.vn

Website: tructhon.com.vn

Số: 189 /TTr-HĐQT

Hải Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;

Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017 về việc thông qua tổng mức thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2017;

Hội đồng quản trị báo cáo kết quả chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2017 và xây dựng kế hoạch thù lao năm 2018 như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao năm 2017:

Tổng số tiền thù lao chi trả năm 2017 đối với thành viên HĐQT, BKS không làm việc trực tiếp tại Công ty là 192 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch; trong đó:

- Thành viên HĐQT: 4 triệu đồng x 03 người x 12 tháng = 144 triệu đồng
- Thành viên BKS: 2 triệu đồng x 02 người x 12 tháng = 44 triệu đồng.

2. Kế hoạch thù lao năm 2018:

a) Đối với thành viên HĐQT, BKS không làm việc trực tiếp tại Công ty.

- Chủ tịch HĐQT: 6 triệu đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT: 4 triệu đồng/người/tháng.
- Trưởng BKS: 3 triệu đồng/người/tháng.
- Thành viên BKS: 2 triệu đồng/người/tháng.

b) Đối với các thành viên HĐQT, BKS, Thư ký Công ty chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm việc trực tiếp tại Công ty thì không hưởng thù lao chỉ hưởng lương hoặc phụ cấp kiêm nhiệm do Chủ tịch HĐQT Cty quyết định.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Cty;
- Lưu VT, TK Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Văn Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của TCty Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng hoà – Chí Linh - Hải Dương

Điện thoại: 03203 882243 Fax: 03203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn Website: tructhon.com.vn

Số: 190 /TTr-HDQT

Hải Dương ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;

Năm 2017 theo đề xuất của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

Năm 2018 Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội giao cho HDQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát để lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Cty;
- Lưu VT, TK Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Văn Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN

Thành viên của CTcy Thép Việt Nam - CTCP

Địa chỉ: Cộng hoà – Chí Linh - Hải Dương

Điện thoại: 03203 882243 Fax: 03203 883163

E-mail: tructhon@tructhon.com.vn Website: tructhon.com.vn

Số: 191 /TTr-HĐQT

Hải Dương ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Cổ đông có thể nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% vốn điều lệ không phải chào mua công khai.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Thông tư số 194/2009/TT-BTC ngày 02/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng đóng;

Trong điều kiện Công ty cần đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ và mở rộng SXKD tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của Công ty thì việc xác định đầu tư lâu dài tại Công ty của các nhà đầu tư là vô cùng cần thiết.

Với mong muốn gắn bó cùng Công ty CP Trúc Thôn, ông Đặng Văn Việt và Công ty TNHH Sản xuất & Thương Mại Minh Ngọc đã và có thể xem xét tiếp tục đầu tư lâu dài để góp phần thúc đẩy Công ty CP Trúc Thôn ngày càng phát triển.

(Hiện ông Đặng Văn Việt và Công ty TNHH Sản xuất & Thương Mại Minh Ngọc đang là cổ đông sở hữu 4,61% và 4,91% vốn điều lệ của Công ty).

Vì vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua việc miễn thủ tục chào mua công khai với Ủy ban chứng khoán nhà nước khi nhận chuyển nhượng cổ phần từ 25% vốn điều lệ trở lên qua các đợt chào mua đối với hai cổ đông hiện hữu là ông Đặng Văn Việt và Công ty TNHH Sản xuất & Thương Mại Minh Ngọc.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Cty;
- Lưu VT, TKCty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Văn Việt



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÚC THÔN
Thành viên của TCty Thép Việt Nam – CTCP
Địa chỉ: Cộng Hoà - Chí Linh - Hải Dương
Điện thoại: +84 3203882243 Fax: +84 3203883163
E-mail: truathon@truathon.com.vn - Website:
www.truathon.com.vn

Số: 199/TTr-HDQT

Hải Dương, ngày 16 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v ủy quyền phê duyệt các Hợp đồng giao dịch có giá trị $\geq 35\%$
Tổng giá trị tài sản**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty;

Hội đồng quản trị báo cáo, trình Đại hội thông qua nội dung sau:

Theo khoản 3 Điều 21 của Điều lệ Công ty thì ĐHĐCĐ thông qua các Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Năm 2018 Công ty triển khai Dự án đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất gạch ốp lát Granite cao cấp, công suất 4 triệu m²/năm; để HĐQT chủ động giải quyết các vấn đề liên quan đến Dự án đầu tư, HĐQT trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc phê duyệt một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ Công ty bao gồm các nội dung:

- Quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án trong phạm vi tăng, giảm 20% so với tổng mức đầu tư Dự án được Đại hội thông qua;

- Phê duyệt các Hợp đồng mua sắm thiết bị, vay vốn liên quan đến thực hiện Dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm 2018.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Cty;
- Lưu VT, TK Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đặng Văn Việt